

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 705/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23 - 11 - 2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phèo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Tấn Đài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Không có.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1110/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử lại số 255/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu N, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Đường Lê Minh Nhựt, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phú K, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà số 07, Lê Minh Nhựt, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 09/9/2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thu N trình bày:

Bà và ông K tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 244, Quyền số 02/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2011. Sau khi kết hôn thời gian đầu gia đình hạnh phúc, nhưng càng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông K không quan tâm vợ con, ông K hay rượu chè và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bà và ông K thường xuyên cãi vã với nhau, hay bất đồng quan điểm. làm cho gia đình mất hạnh phúc. Hiện đời sống vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn, đời sống của bà và ông K không thể hòa hợp. Bà yêu cầu được ly hôn ông K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương K, sinh ngày 24/7/2012, sau khi ly hôn bà N xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày xác định không có.

- Tại phiên tòa bà N trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với ông K; về con chung có 01 con chung tên Nguyễn Dương K, sinh ngày 24/7/2012, bà N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung không có. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì thêm.

Ông Nguyễn Phú K đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vẫn không đến Tòa để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/9/2020, bà Dương Thị Thu N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Phú K hiện đang cư trú tại: Số 07, đường Lê Minh Nhựt, Tổ 2, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Phú K đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vẫn không đến để tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Phú K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị Thu N và ông Nguyễn Phú K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 244, Quyền số 02/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2011 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của bà N thì sau kết hôn giữa bà và ông K đã có nhiều khác biệt về cách sống và quan điểm sống, đã không cảm thấy hạnh phúc. Nguyên nhân do bà và ông K thường xuyên gây sự cãi vã, bất đồng quan điểm, ông K không quan tâm, không chăm lo cho gia đình, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên dẫn

đến tình cảm vợ chồng không còn được hạnh phúc nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Ông K đã được Tòa triệu tập nhưng ông không đến Tòa, đồng thời cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến chứng tỏ ông không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, không có giải pháp đoàn tụ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn quan hệ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông K theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương K, sinh ngày 27/4/2012, bà N xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Ông Nguyễn Phú K vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông K có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Dương Thị Thu N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Dương Thị Thu N được ly hôn với ông Nguyễn Phú K. Giấy chứng nhận kết hôn số 244, Quyền số 02/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2011 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương K, sinh ngày 27/4/2012, giao bà N được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Thoản thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Nếu ông K có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết ở vụ án khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Dương Thị Thu N phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084753 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Phạm Văn Phèo**